



Know all kinds of fruits and vegetables

táo zi



桃子 Peach

máng guǒ



芒果 Mango

bō luó



菠萝 Pineapple

huǒ lóng guǒ



火龙果 Dragonfruit

shān zhā



山楂rab Apples

shí liú



石榴 Pomegranate

lí



梨 Pear

liú lián



榴莲 Durian

hā mì guā



哈密瓜 Cantaloupe

lǐ zi



李子 Plum

lán méi



蓝莓 Blueberry

lóng yǎn



龙眼 Longan

xiāng jiāo



香蕉 Banana

pú táo



葡萄 Grape

cǎo méi



草莓 Strawberry

mí hóu táo



猕猴桃 Kiwifruit

lì zhī



荔枝 Lychees

shì zi



柿子 Persimmon

píng guǒ



苹果 Apple

yīng táo



樱桃 Cherry

chéng zi



橙子 Orange

xī guā



西瓜 Watermelon

níng méng



柠檬 Lemon

yòu zi



柚子 Grapefruit

qīng jiāo



青椒 Green Pepper

hú luó bo



胡萝卜 Carrot

huáng guā



黄瓜 Cucumber

yù mǐ



玉米 Corn

dà suàn



大蒜 Garlic

dòu jiǎo



豆角 Beans

qié zi



茄子 Eggplant

tǔ dòu



土豆 Potato

fān qié



番茄 Tomato

yáng cōng



洋葱 Onion

là jiāo



辣椒 Chilli Pepper

qín cài



芹菜 Celery

huā cài



花菜 Cauliflower

dà cōng



大葱 Green Chinese Onion

qīng cài



青菜 Pak Choy

mó gu



蘑菇 Mushroom

juǎn xīn cài



卷心菜 Cabbage

bái cài



白菜 Chinese cabbage

kǔ guā



苦瓜 Bitter Gourd

bō cài



菠菜 Chinese Cabbage

wān dòu



豌豆 Peas

nán guā



南瓜 Pumpkin

shēng jiāng



生姜 Ginger

dōng guā



冬瓜 Wax gourd